

Số: 13 /NQ-HĐND

Xã Hoàng Văn Thụ, ngày 29 tháng 7 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Về điều chỉnh dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, dự toán thu, chi ngân sách địa phương, phương án phân bổ dự toán ngân sách địa phương năm 2025 và kinh phí sự nghiệp thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia năm 2025, các năm trước chuyển nguồn sang năm 2025 sau sắp xếp đơn vị hành chính

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ HOÀNG VĂN THỤ
KHÓA XX, KỲ HỌP THỨ HAI**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 1672/NQ-UBTVQH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Lạng Sơn năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 28 tháng 4 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh về tán thành chủ trương sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Lạng Sơn năm 2025; Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 28 tháng 5 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh tên đơn vị hành chính cấp xã sau sắp xếp tại Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 28 tháng 4 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh;

Căn cứ Nghị quyết số 41/NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2025 của HĐND tỉnh Lạng Sơn Điều chỉnh dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, dự toán thu, chi ngân sách địa phương, phương án phân bổ dự toán ngân sách địa phương năm 2025 và kinh phí sự nghiệp thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia năm 2025, các năm trước chuyển nguồn sang năm 2025 sau sắp xếp đơn vị hành chính;

Xét Tờ trình số 14/TTr-UBND ngày 21 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã về điều chỉnh dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, dự toán thu, chi ngân sách địa phương, phương án phân bổ dự toán ngân sách địa phương năm 2025 và kinh phí sự nghiệp thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia năm 2025, các năm trước chuyển nguồn sang năm 2025 sau sắp xếp đơn vị hành chính; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND và ý kiến thảo luận của các đại biểu HĐND xã tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, dự toán thu, chi ngân sách địa phương, phương án phân bổ dự toán ngân sách địa phương năm 2025 và kinh phí sự nghiệp thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia năm 2025, các năm trước chuyển nguồn sang năm 2025 sau sắp xếp đơn vị hành chính, như sau:

1. Tổng thu NSNN trên địa bàn

Tổng thu NSNN trên địa bàn năm 2025 là 6.320,6 triệu đồng, trong đó:

- Thu theo dự toán tỉnh giao: 5.746 triệu đồng.
- Thu phần đầu vượt so với dự toán tỉnh giao: 574,6 triệu đồng

2. Tổng thu ngân sách địa phương

Tổng thu ngân sách địa phương năm 2025 là 153.255,7 triệu đồng, gồm:

a) Thu theo dự toán tỉnh giao: 137.767 triệu đồng, trong đó:

- Thu điều tiết: 4.086 triệu đồng.
- Thu bổ sung cân đối từ ngân sách cấp tỉnh: 85.727,1 triệu đồng.
- Thu bổ sung có mục tiêu và các nhiệm vụ khác đầu năm: 5.463 triệu đồng.
- Thu bổ sung có mục tiêu và các nhiệm vụ khác trong năm: 42.491 triệu đồng.

b) Thu chuyển nguồn: 14.914 triệu đồng.

c) Thu phần đầu vượt so với dự toán tỉnh giao: 574,6 triệu đồng.

3. Tổng chi ngân sách địa phương.

Tổng chi ngân sách địa phương năm 2025 là: 153.255,7 triệu đồng, gồm:

3.1. Dự toán giao đầu năm: 95.276,1 triệu đồng, gồm:

a) Chi cân đối ngân sách xã: 89.813,1 triệu đồng.

- Chi đầu tư phát triển: 0 đồng.
- Chi thường xuyên: 88.415,1 triệu đồng.
- Chi dự phòng: 1.398 triệu đồng.

b) Chi các chương trình mục tiêu quốc gia và một số chương trình dự án, nhiệm vụ khác: 5.463 triệu đồng.

- Chi thực hiện các Chương trình Mục tiêu quốc gia: 1.060 triệu đồng.

- Chi từ nguồn hỗ trợ thực hiện các chế độ chính sách theo quy định: 4.403 triệu đồng.

3.2. Chi bổ sung có mục tiêu trong năm: 42.491 triệu đồng.

3.3. Chi chuyển nguồn: 14.914 triệu đồng.

3.4. Chi từ nguồn tăng thu: 574,6 triệu đồng.

4. Phương án phân bổ ngân sách địa phương năm 2025

a) Giao nhiệm vụ thu NSNN trên địa bàn 6.320,6 triệu đồng.

- Thu theo dự toán tỉnh giao: 5.746 triệu đồng.
- Thu phần đầu vượt so với dự toán tỉnh giao 10%: 574,6 triệu đồng.

- Giao cho Trung tâm phục vụ hành chính công, Công an xã, các ban, ngành có liên quan và cán bộ Thuế phụ trách địa bàn xã tổ chức thực hiện các biện pháp thu ngân sách nhà nước trên địa bàn theo quy định.

b) Phân bổ dự toán chi ngân sách xã: 153.255,7 triệu đồng.

- Chi đầu tư phát triển: 0 đồng.

- Chi thường xuyên: 88.415,1 triệu đồng.
- Chi dự phòng: 1.398 triệu đồng.
- Chi thực hiện các Chương trình Mục tiêu quốc gia: 1.060 triệu đồng.
- Chi từ nguồn hỗ trợ thực hiện các chế độ chính sách theo quy định: 4.403 triệu đồng.
- Chi bổ sung có mục tiêu trong năm: 42.491 triệu đồng.
- Chi chuyển nguồn: 14.914 triệu đồng.
- Chi từ nguồn tăng thu: 574,6 triệu đồng

(Chi tiết như các biểu kèm theo)

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân xã tổ chức chỉ đạo, triển khai thực hiện Nghị quyết này, báo cáo kết quả thực hiện tại các kỳ họp HĐND xã gần nhất.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân Xã Hoàng Văn Thụ Khóa XX, kỳ họp thứ Hai thông qua ngày 29 tháng 7 năm 2025./.

Nơi nhận:

- TT HĐND tỉnh; } (báo cáo)
- UBND tỉnh;
- Các sở: Tài chính, Tư pháp;
- TT Đảng ủy;
- TT HĐND xã;
- UBND xã;
- VP Đảng ủy xã;
- UB MTTQVN xã;
- Các phòng ban chuyên môn xã;
- Các đơn vị sự nghiệp trên địa bàn xã;
- Trung tâm phục vụ hành chính công xã;
- Các Đại biểu HĐND xã khóa XX;
- Lưu: VT, HS kỳ họp.

CHỦ TỊCH



Vũ Văn Nhiên

BIỂU CHI TIẾT ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG CẤP XÃ KHI TỔ CHỨC CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG 02 CẤP

(Kèm theo Nghị Quyết số: 13/NQ-HĐND ngày 29 tháng 7 năm 2025 của UBND xã Hoàng Văn Thụ)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Nội dung	Xã Hoàng Văn Thụ
A	B	c
	Tổng cộng	153,255.7
A	DỰ TOÁN GIAO ĐẦU NĂM 2025	95,276.1
I	Tổng chi cân đối ngân sách	89,813
1	Chi đầu tư phát triển	-
1.1	Chi đầu tư xây dựng cơ bản vốn trong nước	
1.2	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	
2	Chi thường xuyên	88,415.1
2.1	Chi sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác	2,516
	- Sự nghiệp Nông nghiệp	
	- Sự nghiệp Lâm nghiệp	70
	- Sự nghiệp Thủy lợi, Thủy sản	
	- Sự nghiệp Giao thông	212
	- Sự nghiệp Kiến thiết thị chính	
	- Sự nghiệp Tài nguyên	
	- Sự nghiệp khác	
	- Sự nghiệp Kinh tế khác	2,140
	- Kinh phí hỗ trợ sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi theo Nghị định số 62/2018/NĐ-CP ngày 02/5/2018 của Chính phủ	
	- Kinh phí hỗ trợ đất trồng lúa theo Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ	-
	- Kinh phí hỗ trợ thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng theo Nghị quyết số 09/2019/NQ-HĐND ngày 10/12/2019 của HĐND tỉnh	
	- Kinh phí thực hiện Nghị quyết số 08/2019/NQ-HĐND ngày 10/12/2019 và Nghị quyết số 15/2021/NQ-HĐND ngày 17/7/2021 của HĐND tỉnh	94
	- Hỗ trợ kinh phí thực hiện công tác quy hoạch	
2.2	Chi sự nghiệp Giáo dục, Đào tạo và Dạy nghề	39,231.2
	- Sự nghiệp giáo dục	36,525
	- Trung tâm học tập cộng đồng	180
	- Hỗ trợ giáo viên mầm non ngoài công lập theo Nghị quyết số 64/2017/NQ-HĐND ngày 11/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
	- Hỗ trợ chi phí học tập và miễn giảm học phí theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ; Nghị định số 97/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ	558
	- Chính sách phát triển giáo dục mầm non theo Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 8/9/2020 của Chính phủ	252
	- Chính sách về giáo dục đối với người khuyết tật theo Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT- BLĐTBXH - BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính	55
	- Chính sách hỗ trợ học sinh và Trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ	1,361

STT	Nội dung	Xã Hoàng Văn Thụ
A	B	c
	- Sự nghiệp giáo dục, đào tạo khác	300
	+ Hỗ trợ cơ sở vật chất và các nhiệm vụ, cơ chế, chính sách, chế độ giáo dục	120
	+ Hỗ trợ kinh phí khen thưởng	-
	+ Chi khác sự nghiệp Giáo dục, Đào tạo và Dạy nghề	180
	- Kinh phí cải cách tiền lương	
	- Kinh phí thực hiện các lớp đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh	
2.3	Chi sự nghiệp Y tế	1,030
	- Chi sự nghiệp y tế	
	- Kinh phí mua thẻ bảo hiểm y tế cho các đối tượng	892
	- Kinh phí hỗ trợ cộng tác viên dân số theo Nghị quyết số 25/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	138
	- Sự nghiệp y tế khác	
2.4	Chi sự nghiệp Khoa học và Công nghệ	
2.5	Chi sự nghiệp Văn hóa thông tin	100
2.6	Chi sự nghiệp Phát thanh - Truyền hình	
2.7	Chi sự nghiệp Thể dục, Thể thao	60
2.8	Chi đảm bảo xã hội	3,799
	- Kinh phí thăm hỏi, động viên đối tượng chính sách	79
	- Kinh phí thực hiện chế độ trợ cấp các đối tượng bảo trợ xã hội theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ; Nghị định số 76/2024/NĐ-CP ngày 01/7/2024 của Chính phủ	3,205
	- Kinh phí hỗ trợ tiền điện hộ nghèo, hộ chính sách theo Quyết định số 28/2014/QĐ-TTg ngày 07/4/2014 của Thủ tướng Chính phủ	104
	- Kinh phí trợ cấp mai táng phí cho các đối tượng hưởng tham gia kháng chiến	207
	- Kinh phí thanh toán cho đơn vị cung cấp dịch vụ chi trả trợ cấp xã hội hàng tháng theo Đề án tại Quyết định số 852/QĐ-UBND ngày 27/5/2016 của UBND tỉnh	20
	- Đảm bảo xã hội còn lại	184
2.9	Chi quản lý hành chính	34,212
	- Chi cho Đảng cộng sản Việt Nam	7,003.0
	- Chi cho đoàn thể	7,841.8
	- Chi quản lý nhà nước	15,361.1
	- Trợ cấp hàng tháng đối với cán bộ xã đã nghỉ việc	171.7
	Kinh phí hỗ trợ hàng tháng đối với Đảng viên được tặng huy hiệu 50 năm tuổi Đảng trở lên theo Nghị quyết số 08/2021/NQ-HĐND ngày 17/7/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	159.0
	- Kinh phí Đại hội Đảng nhiệm kỳ 2025 - 2030	774.0
	- Chi quản lý hành chính khác	2,901.7
2.10	Chi An ninh, Quốc phòng	6,568
	- Chi An ninh, trật tự, an toàn xã hội	2,334
	- Chi Quốc phòng	4,234
	- Kinh phí thực hiện Luật An ninh trật tự ở cơ sở theo Nghị quyết số 05/2024/NQ-HĐND ngày 24/6/2024 của HĐND tỉnh	

STT	Nội dung	Xã Hoàng Văn Thụ
A	B	c
	- Hỗ trợ an ninh, quốc phòng các huyện Biên giới	-
2.11	Chi sự nghiệp môi trường	-
2.12	Chi khác ngân sách	350
	- Hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ khác	
	- Đối ứng kinh phí sự nghiệp thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	
	- Chi khác	350
2.13	Hỗ trợ kinh phí thi đua khen thưởng (không bao gồm lĩnh vực sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo)	549
2.14	Chi một số nhiệm vụ khác	-
	- Kinh phí hỗ trợ xây dựng nhà văn hóa thôn đạt chuẩn, sân tập thể dục thể thao xã theo Nghị quyết số 18/2020/NQ-HĐND ngày 14/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
	Kinh phí quà tặng chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi theo Nghị quyết số 11/2019/NQ-HĐND ngày 10/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh	
	- Hỗ trợ có mục tiêu hạ tầng cơ sở và đối ứng kinh phí hỗ trợ nhà ở cho các huyện nghèo, huyện có xã an toàn khu, huyện xây dựng nông thôn mới ((hạ tầng cơ sở huyện 30a)	
	- Kinh phí chăm sóc sức khỏe người cao tuổi theo Thông tư số 96/2018/TT-BTC ngày 18/10/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính	
	Chi cải cách tiền lương	
	Kinh phí thực hiện chế độ tiền lương và tiền thưởng theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ	
	- Kinh phí trích 10% nguồn thu tiền thuê đất về Quỹ Phát triển đất tỉnh theo Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 02/5/2019 của HĐND tỉnh	
	Chi một số nhiệm vụ khác	
	Đại hội thể dục thể thao	
	Kinh phí tiết kiệm 10% chi thường xuyên 7 tháng cuối năm	
3	Chi dự phòng ngân sách	1,398
II	CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MTQG VÀ MỘT SỐ CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN, NHIỆM VỤ KHÁC	5,463
1	Chi thực hiện các Chương trình Mục tiêu quốc gia	1,060
-	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	160
	+ vốn đầu tư	160
	+ vốn sự nghiệp	
-	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	-
	+ vốn đầu tư	
	+ vốn sự nghiệp	
-	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	900
	+ vốn đầu tư	
	+ vốn sự nghiệp	900
2	Chi từ nguồn hỗ trợ thực hiện các chế độ chính sách theo quy định	4,403
-	Kinh phí biên chế giáo viên tăng thêm	
-	Kinh phí thực hiện các chính sách an sinh xã hội, trong đó	4,403
+	Chính sách sự nghiệp giáo dục và đào tạo	

STT	Nội dung	Xã Hoàng Văn Thụ
A	B	c
+	Chính sách sự nghiệp y tế (kinh phí mua thẻ bảo hiểm y tế cho các đối tượng)	3,420
+	Chính sách sự nghiệp đảm bảo xã hội	983
	- Kinh phí hỗ trợ đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện	107
	- Kinh phí thực hiện chế độ trợ cấp các đối tượng bảo trợ xã hội theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ; Nghị định số 76/2024/NĐ-CP ngày 01/7/2024 của Chính phủ	859
	- Kinh phí thực hiện chính sách đối với người có uy tín theo Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg ngày 6/3/2018 của Thủ tướng Chính phủ; Quyết định số 28/2023/QĐ-TTg ngày 23/11/2023	17
-	Kinh phí hỗ trợ địa phương thực hiện sản xuất lúa	
-	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ đảm bảo trật tự an toàn giao thông	
-	Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững	
-	Kinh phí quản lý, bảo trì đường bộ	
B	DỰ TOÁN BỔ SUNG TRONG NĂM	42,491
	Kinh phí hỗ trợ Đề án phát triển giao thông nông thôn tỉnh Lạng Sơn, giai đoạn 2021 - 2025	1,740
	Kinh phí thực hiện chính sách bảo hiểm y tế	803
	Kinh phí thực hiện chế độ trợ cấp các đối tượng bảo trợ xã hội theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ; Nghị định số 76/2024/NĐ-CP ngày 01/7/2024 của Chính phủ	280
	Kinh phí thực hiện chính sách tinh giản biên chế	15,287
	Kinh phí thực hiện Đề án xây dựng, quản lý, khai thác, bảo trì cầu trên đường giao thông nông thôn tỉnh Lạng Sơn, giai đoạn 2024 -2030	
	Kinh phí thu hồi tạm ứng kinh phí thực hiện dự án cầu Pắc Luông, huyện Tràng Định	
	Kinh phí đầu tư xây dựng cơ bản thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã giai đoạn 2023 - 2025	
	Kinh phí hỗ trợ xóa nhà tạm, nhà dột nát	1,683
	Kinh phí hỗ trợ bảo vệ phát triển đất trồng lúa năm 2025	
	Kinh phí sự nghiệp chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	2,436
	Kinh phí tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ	98
	Kinh phí tổ chức chương trình giao lưu hội nghị quốc phòng biên giới Việt Trung	
	Kinh phí hỗ trợ tu bổ di tích nhà cao, phố cũ thị trấn Đình Lập, huyện Đình Lập	
	Kinh phí thực hiện Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 và Nghị định số 67/2025/NĐ-CP ngày 15/3/2025 của Chính phủ	
	Kinh phí hỗ trợ lãi suất tín dụng theo Quyết định số 39/2007/QĐ-UBND ngày 21/12/2007 và Quyết định số 02/2017/QĐ-UBND ngày 09/02/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Nghị quyết số 08/2019/NQ-HĐND ngày 10/12/2019 và Nghị quyết số 15/2021/NQ-HĐND ngày 17/7/2021 c	
	Kinh phí sự nghiệp chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	12,569
	Kinh phí Đại hội thể dục, thể thao	6

STT	Nội dung	Xã Hoàng Văn Thụ
A	B	c
	Hỗ trợ chi phí học tập và miễn giảm học phí theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ; Nghị định số 97/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ và kinh phí biên soạn lịch sử truyền thống	
	Kinh phí hỗ trợ xây dựng nông thôn mới (vốn đầu tư CTMTQG xây dựng nông thôn mới)	4,590
	KP tổ chức Lễ phát động "Tết trồng cây đời đời nhớ ơn Bác Hồ" Xuân Ất Tỵ năm 2025	
	Kinh phí hỗ trợ đầu tư xây dựng cầu vào Đền Chi Lăng	
	Hỗ trợ huyện thực hiện thu phí năm 2024	2,500
	Kinh phí hỗ trợ đầu tư cơ sở vật chất công nhận lại trường chuẩn năm 2025 tại Quyết định số 1329/QĐ-UBND ngày 20/6/2025 của UBND tỉnh	
	Kinh phí xử lý nước thải và vận hành hệ thống thoát nước	
	Kinh phí thưởng vượt thu	
	Kinh phí hỗ trợ giáo viên mầm non ngoài công lập	
	Kinh phí thực hiện Tiểu dự án giải phóng mặt bằng thuộc dự án Đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng - Trà Lĩnh	
	Kinh phí hỗ trợ sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã	500
C	CHI CHUYỂN NGUỒN	14,914
D	NGUỒN KẾT DƯ NGÂN SÁCH 2024	
E	GHI THU GHI CHI TỪ NGUỒN VIỆN TRỢ	
G	GHI THU - GHI CHI TIỀN BÒI THƯỜNG, GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG ĐỐI VỚI SỐ TIỀN NHÀ ĐẦU TƯ ĐÃ ỨNG TRƯỚC ĐƯỢC ĐỐI TRỪ TIỀN THUÊ ĐẤT	
I	CHI TỪ NGUỒN TĂNG THU	574.6
K	10% TIẾT KIỀM CHI CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG	282

BIỂU PHÂN BỐ DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN, THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025 - SAU TỔ CHỨC CQĐP 02 CẤP

(Kèm theo Nghị Quyết số: 13 NQ-HĐND ngày 2 tháng 7 năm 2025 của UBND xã Hoàng Văn Thụ)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Đơn vị	Tổng cộng	Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn (Thu nội địa)										Tăng thu 10%	Tổng thu ngân sách địa phương tại dự toán đầu năm					Thu chuyển nguồn	Thu bổ sung có mục tiêu trong năm
			Cộng	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh			Lệ phí trước bạ	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	Thuế thu nhập cá nhân	Phí, lệ phí		Thu khác ngân sách		Tổng	Thu cân đối ngân sách địa phương			Thu bổ sung có mục tiêu và các nhiệm vụ khác		
				Tổng	Thuế GTGT	Thuế TTĐB				Tổng	Trong đó: lệ phí môn bài				Tổng	Thu ngân sách hưởng theo	Thu bổ sung cân đối từ ngân sách tỉnh			
1	Xã Hoàng Văn Thụ	6,320.6	5,746.0	3,380	3,320	60	157	60	1,660	461	415	28	574.6	95,276.1	89,813	4,086	85,727.1	5,463	14,914	42,491